TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUỲNH PHỤ** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 113/2020/HS-ST
Ngày 18/12/2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Phượng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Ngọc Túy

2. Bà Nguyễn Thị Phương

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Minh Huyền- Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 107/2020/TLST-HS ngày 13 tháng 11 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 113/2020/QĐXXST- HS ngày 07 tháng 12 năm 2020 đối với bị cáo:

Trần Thị M, sinh ngày 26/02/1982 tại huyện N, tỉnh Hải Dương

Nơi cư trú: Thôn H, xã Đ, huyện N, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần Văn M, sinh năm 1955 và bà: Nguyễn Thị L, sinh năm 1953; chồng: Hoàng Văn L, đã chết, con: Có 03 con, lớn nhất sinh năm 2000, nhỏ nhất sinh năm 2009; tiền án; tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 16/9/2020.

(*Có mặt tại phiên tòa*).

- Bị hại: Anh Nguyễn Trọng Q, sinh năm 1974

Trú tại: Thôn Ph, xã Ng, huyện Đ, tỉnh Thái Bình.

(Có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Người làm chứng:

+ Chị Vũ Thị Tr, sinh năm 1981, trú tại: thôn T, xã M, huyện H, tỉnh Thái Bình.

+ Anh Đỗ Hồng Tr1, sinh năm 1982, trú tại: thôn Y, xã M, huyện D, tỉnh Hà Nam.

(Chị Tr, anh Tr1 đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 12/2019, Trần Thị M thuê một căn nhà cấp 4 của bà Nguyễn Thị M1, sinh năm 1969 ở thôn V, xã Đ, huyện Q để mở quán tẩm quất, gội đầu. Đến tháng 3/2020, chị Vũ Thị Tr là bạn của M đến quán chơi và được M nhận vào làm nhân viên tẩm quất. Khoảng 13 giờ ngày 08/9/2020, anh Nguyễn Trọng Q vào quán của M. Lúc này, Tr đang nằm giường, M đang đi vệ sinh bên gian trong. Anh Q đặt vấn đề muốn tẩm quất, Tr đồng ý. Sau đó Anh Q cởi quần áo để ở bàn gội đầu đặt sát tường, cạnh cửa đi vào gian trong (gian có nhà vệ sinh) rồi lên giường nằm. Tr kéo rèm che kín giường rồi tẩm quất cho Anh Q. Sau khi đi vệ sinh, M đi ra thì thấy trên bàn gội đầu có để quần áo Anh Q, giường tẩm quất được kéo rèm che kín nên đã nảy sinh ý định kiểm tra quần áo của Anh Q để trộm cắp tiền. M dùng tay phải cho vào túi quần phía sau bên phải móc ra một tập tiền gồm các tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng và 200.000 đồng xếp chồng lên nhau gấp đôi lại. M rút một tập khoảng 8-9 tờ tiền mệnh giá 200.000 đồng, đặt xuống mặt bàn gội đầu rồi gấp số tiền còn lại cho vào trong túi quần như cũ. Lúc này từ túi quần bên phải phía trước của Anh Q rơi xuống đất một tập tiền (gồm 100 tờ tiền mệnh giá 200.000 đồng) được buộc dây nịt. M nhặt cọc tiền lên, lấy số tiền vừa lấy được để trên mặt bàn gội đầu trước đó cầm bằng tay phải đi ra gian sau, mở cửa ra vườn đi vào ngách phía bên trái nhà, nhấc dây nịt của tập tiền lên, luồn số tiền đã lấy trước đó vào cùng một tập rồi đặt xuống đất, lấy một viên gạch đè lên. M đứng đó khoảng 10 phút thì nhận được điện thoại của Tr bảo về giải quyết việc Anh Q kêu mất tiền. M đi vòng qua phía sau nhà bên cạnh ra đường Quốc lộ 10 đi về hướng ngã tư Đợi và điện thoại cho anh Đỗ Hồng Tr1 là bạn cùng đến quán giải quyết.

Sau khi sự việc xảy ra, Anh Q có đơn trình báo gửi Công an huyện Quỳnh Phụ. Cùng ngày, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Quỳnh Phụ đã triệu tập Trần Thị M và Vũ Thị Tr lên làm việc. Tại Cơ quan điều tra, Trần Thị M đã khai nhận toàn bộ hành vi và tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra số tiền 21.800.000 đồng (gồm 109 tờ tiền polyme mệnh giá 200.000 đồng).

Cáo trạng số 112/CT-VKSQP ngày 13/11/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình đã truy tố Trần Thị M về tội "*Trộm cắp tài sản*" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

- Bị cáo Trần Thị M khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo như đã nêu trong bản Cáo trạng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Trần Thị M và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo phạm tội "*Trộm cắp tài sản*". Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; khoản 1, 2 Điều 65 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Trần Thị M mức án từ 01 năm 03 tháng đến 01 năm 06 tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện N, tỉnh Hải Dương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách; đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo. Ngoài ra, còn đề nghị về nghĩa vụ nộp án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Trong phần tranh luận bị cáo Trần Thị M không có ý kiến tranh luận với Kiểm sát viên. Bị cáo nói lời sau cùng đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Quỳnh Phụ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Xét thấy, lời khai nhận tội của bị cáo Trần Thị M tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra có trong hồ sơ vụ án (Bút lục số: 80-109); phù hợp với đơn trình báo và biên bản ghi lời khai của bị hại là anh Nguyễn Trọng Q (Bút lục số: 01; 110-113); biên bản ghi lời khai của những người làm chứng là chị Vũ Thị Tr, anh Đỗ Hồng Tr1 (Bút lục số: 114-123). Ngoài ra hành vi phạm tội của bị cáo còn được chứng minh bằng các tài liệu, chứng cứ sau: Biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu; biên bản niêm phong đồ vật, tài liệu bị tạm giữ do Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Quỳnh Phụ lập hồi 15 giờ 30 phút và 16 giờ 25 phút 08/9/2020 (Bút lục số: 9-10); biên bản thực nghiệm điều tra do Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện Quỳnh Phụ lập hồi 13 giờ 30 phút ngày 15/9/2020 và Sơ đồ hiện trường do Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Quỳnh Phụ lập và bị cáo tự mô tả (Bút lục số: 46-50) cùng nhiều tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Từ những chứng cứ nêu trên, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để kết luận:

Khoảng 13 giờ ngày 08/9/2020, tại quán gội đầu, tẩm quất của Trần Thị M ở thôn V, xã Đ, huyện Q, Trần Thị M đã có hành vi trộm cắp số tiền 21.800.000 đồng của anh Nguyễn Trọng Q, sinh năm 1974, trú tại: Thôn Ph, xã Ng, huyện Đ, tỉnh Thái Bình. Hành vi của bị cáo Trần Thị M đã phạm vào tội "*Trộm cắp tài sản*" với tình tiết định khung quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự như Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình đã truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Điều 173. Tội trộm cắp tài sản

"1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản mà còn vi phạm;

b) Đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 174, 175 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;

……

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng".

[3] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo thấy rằng: Hành vi lợi dụng sơ hở, lén lút chiếm đoạt tài sản của bị hại mà bị cáo Trần Thị M đã thực hiện vào trưa ngày 08/9/2020 là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật hình sự bảo vệ, gây mất trật tự tại địa phương, gây tâm lý lo lắng trong quần chúng nhân dân nơi xảy ra vụ án. Bị cáo có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật song vì hám lợi nên bị cáo đã lao vào con đường phạm tội. Do đó, cần phải xử phạt bị cáo mức án tương xứng, nhằm cải tạo, giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

[4] Xét về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy:

Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, hoàn cảnh gia đình khó khăn, chồng chết, bị cáo một mình nuôi 3 con ăn học, phạm tội có tính chất nhất thời... nên cần xem xét, cân nhắc khi lượng hình.

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách

nhiệm hình sự nào.

Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị hại có đơn xin giảm hình phạt cho bị cáo nên Hội đồng xét xử cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm i, s khoản 1; khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để giảm cho bị cáo một phần hình phạt.

Từ những phân tích, nhận định nêu trên, đối chiếu với các quy định của Bộ luật hình sự và xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, Hội đồng xét xử thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cho bị cáo được hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách đối với bị cáo là đủ đảm bảo mục đích hình phạt và thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[5] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo làm nghề lao động tự do, hoàn cảnh khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng: Trong quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện Quỳnh Phụ đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại Anh Q số tiền 21.800.000 đồng. Anh Q đã nhận đủ số tiền trên và không có yêu cầu bồi thường gì thêm đối với bị cáo.

[7] Về án phí: Bị cáo Trần Thị M phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

[8] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Trần Thị M phạm tội "*Trộm cắp tài sản*".

2. Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173, các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 50 và khoản 1, 2 Điều 65 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Trần Thị M 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (18/12/2020).

Giao bị cáo Trần Thị M cho Uỷ ban nhân dân xã Đ, huyện N, tỉnh Hải Dương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo vắng mặt hoặc thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được

hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo quy định tại khoản 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự.

3. Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng: Đã giải quyết xong, bị hại anh Nguyễn Trọng Q không yêu cầu bị cáo Trần Thị M phải bồi thường gì thêm.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Trần Thị M phải nộp 200.000đ *(hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo Trần Thị M có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (18/12/2020); bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc niêm yết, tống đạt hợp lệ bản án./.

***Nơi nhận*:**
- *VKSND tỉnh Thái Bình;*
- *VKSND huyện Quỳnh Phụ;*
- *CQĐT, CQTHAHS (Công an h. Quỳnh Phụ);*
- *UBND xã Đ, huyện N, tỉnh Hải Dương;*
- *Bị cáo;*
- *Bị hại;*
- *Lưu hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Lê Thị Phượng